

Bản án số: 571/2024/DS-PT

Ngày 26 – 7 - 2024

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất và
yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử
dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Thanh Thúy

Các Thẩm phán: Ông Phan Văn Yên

Ông Vũ Ngọc Huynh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú Cường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Đảm - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 119/2022/TLPT-DS ngày 13 tháng 3 năm 2023 về việc: “*Tranh chấp di sản thừa kế*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2022/DS-ST ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 955/2024/QĐPT-DS ngày 05 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Thu H, sinh năm 1968 (có mặt);

Địa chỉ: A T, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: 74 đường B, tiểu khu A, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Bùi Thị C, sinh năm 1940 (vắng mặt);

Địa chỉ: A T, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đặng Thị Xuân H1, sinh năm 1980 (có đơn xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: A T, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Bà Đặng Thị Thu H2 và ông Đặng Hồng P; Địa chỉ: A T, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đặng Thị Xuân H1, sinh năm 1980 (có đơn xin xét xử vắng mặt);

3.2 Bà Đặng Thị Xuân H1, sinh năm 1980 (có đơn xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: A T, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.3 Ủy ban nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có đơn xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: A Quốc lộ E, thị trấn P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3.4 Văn phòng công chứng huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt);

Địa chỉ: số B đường T, thị trấn P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3.5 Bà Phan Phạm Phương T, sinh năm 1989 (vắng mặt);

Địa chỉ: số B V, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.6 Ông Phạm Nam T1, sinh năm 1974 và bà Trần Thị N, sinh năm 1978 (vắng mặt);

Địa chỉ: E L, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.7 Ông Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1979 (vắng mặt);

Địa chỉ: K, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

3.8 Ông Trần Quốc T2, sinh năm 1996 (có mặt)

3.9 ông Trần Quốc T3, sinh năm 1997 (vắng mặt);

Địa chỉ: A T, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ liên lạc: 74 đường B, tiểu khu A, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông T3 ủy quyền tham gia tố tụng cho nguyên đơn bà Đặng Thị Thu H theo giấy ủy quyền ngày 04-10-2022. Bà H có mặt.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Đặng Thị Thu H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Quốc T3, ông Trần Quốc T2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Nguyên đơn bà Đặng Thị Thu H trình bày và xác định yêu cầu khởi kiện:

Tại đơn khởi kiện ngày 10-06-2003, bà Đặng Thị Thu H khởi kiện bà Bùi Thị C trú tại A Trần Hưng Đạo B, phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu chia di sản thừa kế của cha bà là ông Đặng Hồng T4 chết ngày 13-03-2003 tại Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. Di sản thừa kế gồm: nhà đất tại A Trần Hưng Đạo B, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo đơn khởi kiện, hàng thừa kế thứ nhất của ông T4 gồm: bà Bùi Thị C, sinh năm 1940; bà Đặng Thị Thu H, sinh năm 1968; bà Đặng Thị Thu H2, sinh năm

1972; ông Đặng Hồng P, sinh năm 1977; bà Đặng Thị Xuân H1, sinh năm 1980. Bà H yêu cầu chia di sản trên theo quy định pháp luật. Bà đề nghị được chia phần của bà trị giá là 500.000.000 đồng. Bà yêu cầu bà C đang quản lý di sản trên phải trả cho bà H 500.000.000 đồng (BL36).

Ngày 10-3-2004, bà Đặng Thị Thu H có đơn khởi kiện bà Bùi Thị C di sản thừa kế bổ sung gồm: tiền 500.000 USD và 99 lượng vàng, tiền gửi ở các ngân hàng; sổ tiết kiệm số 14309 (tài khoản 0075001018831 tại Ngân hàng N1 chi nhánh Thành phố H mang tên Đặng Hồng T4; 600 cổ phần tại Ngân hàng thương mại cổ phần S mang tên Đặng Hồng T4; nhà đất 194 T B, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh; Quyền sử

dụng đất tại đường C, xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Ngày 28-3-2008, bà Đặng Thị Thu H có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Đặng Hồng T4 bổ sung gồm: Quyết định thi hành án Quận B; Kỳ phiếu tại Ngân hàng N2.

Ngày 06-01-2014, bà Đặng Thị Thu H có đơn xin rút lại yêu cầu chia tài sản quận B theo quyết định thi hành án. (BL246) (Hiện bản án giám đốc thẩm đã hủy bản án phúc thẩm tranh chấp nhà đất tại quận B và Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh đang thụ lý giải quyết lại).

Tại bản tự khai ngày 15-9-2022 (BL 1163-1164), bà Đặng Thị Thu H khai ông Đặng Hồng T4 và bà Bùi Thị C có 4 người con ruột là: Đặng Thị Thu H, sinh năm 1968; Đặng Thị Thu H2, sinh năm 1972; Đặng Hồng P, sinh năm 1977 và Đặng Thị Xuân H1, sinh năm 1980. Ông T4, bà C có 4 người cháu ruột: Trần Quốc T2, sinh năm 1996, Trần Quốc T3, sinh năm 1997, Lê Đức H3, sinh năm 1999 và Lê T5 sinh năm 2002. Theo bà H, Sổ hộ khẩu gồm 10 người (kể cả bố mẹ bà) nên khi chia di sản là đất nông nghiệp phải chia cả cho các con của bà. Tại bản tự khai bà H nêu các di sản gồm:

1. Căn nhà và đất tại A T, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà số 1293/HGN do Sở nhà đất Thành phố H cấp ngày 15-10-1991.

2. 1.765 Cổ phiếu của Ngân hàng TMCP S1 (S1) của ông Đặng Hồng T4 với mệnh giá cổ phiếu 10.000 đồng/cổ phiếu và 4.942.760 đồng tiền cổ tức.

3. Sổ tiết kiệm của ông Đặng Hồng T4 tại Ngân hàng TMCP N1- Chi nhánh T8 có giá trị 480.222.662 đồng.

4. Sổ tiết kiệm của ông Đặng Hồng T4 tại Ngân hàng N2 – Chi nhánh B1 tổng cả gốc + lãi tính đến ngày 04-4-2022 là 179.716.800 đồng.

5. Quyền sử dụng đất trồng cây lâu năm và đất nông nghiệp tại X cho cả con bà.

Tại biên bản hòa giải ngày 25-3-2022 bà H xác định đất tại huyện X gồm:

Quyền sử dụng đất diện tích 3.141m² thuộc thửa 01, diện tích 372m² thuộc thửa 255, diện tích 208m² thuộc thửa 257, diện tích 1700m² thuộc thửa 154 tờ bản đồ số 29 xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Quyền sử dụng đất diện tích 8616m² thuộc thửa 02, diện tích 768m² thuộc thửa 256 cùng thuộc tờ bản đồ số 29, xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Quyền sử dụng đất diện tích 1149m² thuộc thửa 03 tờ bản đồ số 29 xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Quyền sử dụng đất diện tích 9345m² thuộc thửa 155 tờ bản đồ số 29 xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Quyền sử dụng đất diện tích 1680m² thuộc thửa 65 tờ bản đồ số 29 xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Tại bản tự khai ngày 09-9-2022, bà H có ý kiến không yêu cầu chia tiền thuê nhà A T, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh và bà không tranh chấp số tiền này nữa đối với bà C. Đối với số tiền bà H2 mượn của cha mẹ bà , bà H sẽ khởi kiện tranh chấp bằng vụ án khác (BL1156).

Tại bản tự khai ngày 15-9-2022 (BL1164) và tại phiên tòa, bà H đề nghị Hội đồng xét xử chia di sản thừa kế theo pháp luật. Đối với đất tại huyện X mà UBND huyện X cấp cho hộ gia đình bà C, ông T4 thì đề nghị chia cho các thành viên trong hộ gia đình. Cụ thể là chia cho các con bà là ông Trần Quốc T2 và ông Trần Quốc T3. Bà H cũng yêu cầu Tòa án hủy tất cả các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất bà C và ông P đã sang nhượng cho bà Phan Phạm Phương T và các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được chỉnh lý sang tên tại trang 4 sau này.

Về việc định giá đất tại huyện X, tại phiên tòa bà H, bà H1, bà H2 và ông P đều nhất trí biên bản định giá do Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh đã định giá.

[2]. Bị đơn bà Bùi Thị C ủy quyền tham gia tố tụng bà Đặng Thị Xuân H4 trình bày:

Ngày 20-3-2008, bà Bùi Thị C có đơn phản tố yêu cầu chia di sản thừa kế của ông T4 gồm: quyết định thi hành án của Cơ quan thi hành án quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; giấy mượn tiền của Đặng Thị Thu H5 và Trần Quốc T6; Tiền gửi Ngân hàng của ông Đặng Hồng T4 gồm: kỳ phiếu Ngân hàng N2 số dư 90.000.000 đồng, số tài khoản CD 0010868; Cổ phiếu tại Ngân hàng S1 số dư 6.000.000 đồng; số cổ phiếu B 021805 đến B021834 (30 cổ phiếu); sổ tiết kiệm Ngân hàng TMCP N1 110.000.000 đồng (BL159-160).

Ngày 02-11-2019, bà Bùi Thị C có đơn phản tố yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật gồm: nhà đất tại A T, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà số 1293/HGN do Sở nhà đất Thành phố H cấp ngày 15-10-1991. Chia quyền sử dụng đất tại X Chia thừa kế theo pháp luật sổ tiết kiệm của ông T4 có giá trị 415.459.091 đồng tại Ngân hàng TMCP N1 theo văn bản số 1190 ngày 13-3-2019 của Ngân hàng TMCP N1 chi nhánh Thành phố H. Chia cổ phần của ông Đặng Hồng T4 là 1765 cổ phần có giá trị 22.239.000 đồng và cổ tức là 4.942.760 đồng tại Ngân hàng TMCP S1 theo văn bản số 08/2019/XN-VP.HĐQT ngày 08-3-2019. Yêu cầu bà H5, ông T6 trả lại

46,5 lượng vàng SJC và 12.900 USD theo biên nhận mượn tiền ngày 15-12-2001. (BL398-399)

Ngày 22-11-2019, Bà Bùi Thị C có đơn xin rút 1 phần yêu cầu phản tố gửi Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh xin rút lại yêu cầu phản tố đối với yêu cầu chia kỳ phiếu 90.000.000 đồng và yêu cầu chia 160 lượng vàng SJC và 4.500.000 đồng. (BL400)

Tuy nhiên, các đơn phản tố trên, Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh không thụ lý.

Ngày 22-10-2020, bà Bùi Thị C có đơn phản tố đối với bà Đặng Thị Thu H yêu vâu chia di sản thừa kế là số vàng và tiền vợ chồng bà H vay của bà gồm: 46,5 lượng vàng SJC và 12.900 USD.(BL693)

Ngày 26-10-2020, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thụ lý yêu cầu phản tố của bà C (BL694)

Tại phiên tòa, bà H4 đại diện theo ủy quyền của bà C xin rút toàn bộ tất cả các yêu cầu phản tố từ trước đến nay của bà C.

Tại bản tường trình ngày 07-3-2022 (BL875-876), bà H4 trình bày từ năm 1993 đến năm 2002 Trần Quốc T2 và Trần Quốc T3 còn nhỏ và cùng bố mẹ T6, H sinh sống tại Cần Thơ. Lê Đức H3 và Lê Thy s với bố mẹ Khiêm H6 tại Thành phố Hồ Chí Minh. Đối với các tài sản là nhà đất tại A T, sổ tiết kiệm, cổ phiếu, kỳ phiếu bà H4 đồng ý chia theo pháp luật. Đối với diện tích đất tại X là 26.684m² (trong đó đã bán 10.730 m²) bà H4 và gia đình cũng đồng ý chia theo pháp luật cho bà H 1/10 tính trên tổng diện tích 26.684m² đối với phần đất còn lại.

Tại bản tự khai ngày 16-8-2022 (BL1095), bà H4 khai năm 2019 ông Nguyễn Ngọc M đồng ý giúp gia đình bà làm thủ tục giấy tờ với điều kiện sau khi làm xong giấy sẽ sang nhượng cho ông M 01 lô. Gia đình đã nhận tiền đặt cọc của anh M nhưng do đất tranh chấp về thừa kế nên đã trả toàn bộ tiền đặt cọc là 10 tỷ và tiền làm giấy là 1,4 tỷ cho ông M (do bà H6 chuyển khoản). Gia đình bà H4 hiện đã làm thất lạc hợp đồng đặt cọc. Ngoài ra, ông M không có liên quan gì khác.

Tại phiên tòa bà H4 xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Đặng Hồng T4 (Ông T4 chết ngày 13-03-2003) gồm:

- 1/ bà Bùi Thị C, sinh năm 1940;
 - 2/ bà Đặng Thị Thu H, sinh năm 1968;
 - 3/ bà Đặng Thu H2, sinh năm 1972;
 - 4/ ông Đặng Hồng P, sinh năm 1977;
 - 5/ bà Đặng Thị Xuân H1, sinh năm 1980
- Di sản của ông Đặng Hồng T4 gồm:

$\frac{1}{2}$ giá trị nhà và đất tại A T, phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà số 1293/HGN do Sở nhà đất Thành phố H cấp ngày 15-10-1991. ($\frac{1}{2}$ Giá trị nhà đất theo Chứng thư thẩm định giá số 044.02/2022/CT-BDS ngày 17-02-2022 của Công ty cổ phần T9 là 24.132.000.000 đồng/2 = 12.066.000.000 đồng).

$\frac{1}{2} \times 1.765 = 882,5$ Cổ phiếu của Ngân hàng TMCP S1 (S1) của ông Đặng Hồng T4 với mệnh giá cổ phiếu 10.000 đồng/cổ phiếu và 4.942.760 đồng/2 = 2.471.380 đồng tiền cổ tức.

Số tiết kiệm của ông Đặng Hồng T4 tại Ngân hàng TMCP N1 - Chi nhánh Thành phố H có giá trị 480.222.662/2 = 240.111.331 đồng

Số tiết kiệm của ông Đặng Hồng T4 tại Ngân hàng N3 – Chi nhánh B1 tổng cả gốc + lãi tính đến ngày 04-4-2022 là 179.716.800 đồng /2 = 89.858.400 đồng.

$\frac{1}{2}$ Giá trị quyền sử dụng đất tại huyện X tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Cụ thể gồm:

Quyền sử dụng đất diện tích 3.141m² thuộc thửa 01, diện tích 372m² thuộc thửa 255, diện tích 208m² thuộc thửa 257, diện tích 1700m² thuộc thửa 154 tờ bản đồ số 29 xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo giấy chứng nhận QSD đất số M772041 UBND huyện X cấp cho ông Đặng Hồng T4 ngày 25-3-1999. Năm 2019 được điều chỉnh trang 4.

Quyền sử dụng đất diện tích 8616m² thuộc thửa 02, diện tích 768m² thuộc thửa 256 cùng thuộc tờ bản đồ số 29 xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO365685 UBND huyện X cấp cho hộ ông Đặng Hồng P ngày 22-8-2019.

Quyền sử dụng đất diện tích 1149m² thuộc thửa 03 tờ bản đồ số 29 xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo giấy chứng nhận QSD đất số CO365684 UBND huyện X cấp cho ông Đặng Hồng P ngày 22-8-2019.

Quyền sử dụng đất diện tích 9050m² thuộc thửa 155 (155;261) tờ bản đồ số 29 xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo giấy chứng nhận QSD đất số AG 835534 UBND huyện Xuyên Mộc cấp cho bà Bùi Thị C ngày 12-2-2007.

Quyền sử dụng đất diện tích 1680m² thuộc thửa 65 tờ bản đồ số 29 xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo giấy chứng nhận QSD đất số Đ 736198 UBND huyện X cấp cho hộ bà Bùi Thị C ngày 29-9-2004.

Tổng diện tích đất tại huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu của ông T4 và bà C là: 26.684m².

Di sản là quyền sử dụng đất tại huyện X của ông Đặng Hồng T4 tổng cộng là: 26.684/2 = 13.342m²

Tại phiên tòa bà H1 là đại diện theo ủy quyền của bà C, bà H2, ông P đồng ý chia tất cả di sản trên theo quy định pháp luật. Đối với phần đất tại huyện X 1 suất thừa kế được chia là 13.342 m² /5 = 2.668,4 m² đất. Tuy nhiên, theo bản đồ đo vẽ ngày 09-03-2022 thì 1/10 tổng diện tích đất tương đương 1 suất

thừa kế là 2669,2m². Bà H1 và những người thừa kế khác là bà C, bà H2, ông P đồng ý chia cho là H diện tích đất 2.669,2m² theo bản vẽ đối với phần di sản thừa kế của ông Đặng Hồng T4 tại huyện X.

Về việc định giá đất tại huyện X, tại phiên tòa bà H, bà H1, bà H1 đại diện bà C, bà H2 và ông P đều nhất trí biên bản định giá do Tòa án nhân dân Quận 5 đã định giá.

[3]. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

3.1 Bà Đặng Thị Thu H2 và ông Đặng Hồng P trình bày:

Tại bản tự khai ngày 28-4-2022, bà H2 khai có mượn tiền bố mẹ bà nhưng đã trả đủ cho bố mẹ bà.

Bà H2 và ông P ủy quyền cho bà H1 quyết định mọi vấn đề liên quan đến vụ án này và nhất trí ý kiến với bà C, bà H1 chia di sản thừa kế của ông Đặng Hồng T4 theo quy định pháp luật.

Đối với toàn bộ phần di sản thừa kế của ông T4, bà H1 đại diện theo ủy quyền của ông P, bà H2 đồng ý tặng cho toàn bộ bà Bùi Thị C. Bà C được hưởng phần di sản được chia của bà H2, ông P.

Về việc định giá đất tại huyện X, tại phiên tòa bà H, bà H1, bà H2 và ông P đều nhất trí biên bản định giá do Tòa án nhân dân Quận 5 đã định giá.

3.2 Bà Đặng Thị Xuân H1 trình bày:

Ngày 17-02-2020, bà Đặng Thị Xuân H1 có đơn yêu cầu độc lập yêu cầu chia thừa kế 160.000.000 đồng tiền ông Đặng Hồng T4 gửi tại Ngân hàng N2 và yêu cầu chia kỳ phiếu 90.000.000 đồng theo quy định pháp luật (BL515).

Về việc định giá đất tại huyện X, tại phiên tòa bà H, bà H1, bà H2 và ông P đều nhất trí biên bản định giá do Tòa án nhân dân Quận 5 đã định giá.

Ngày 19-02-2020 Tòa án nhân dân Quận 5 thụ lý yêu cầu độc lập của bà H1 trên (BL520).

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 15/2022/DS-ST ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu quyết định:

Căn cứ vào Điều 26; Điều 37; điểm c Khoản 1 Điều 39; Điều 227, 228, 244; Điều 157, 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 612; 613; 623; 649; 650; 651 và 660 Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 95, 99 Luật đất đai; 2013.

Căn cứ khoản 7 Điều 27 Pháp lệnh về án phí, lệ phí năm 2009 ngày 27-2-2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 và Điều 2 Luật người cao tuổi.

Tuyên xử:

[1]. Đình chỉ toàn bộ yêu cầu phản tố của bà Bùi Thị C đối với các yêu cầu bà Đặng Thị Thu H trả lại 46,5 (bốn mươi sáu phẩy năm) lượng vàng SJC và 12.900 (mười hai ngàn chín trăm) USD theo biên nhận mượn tiền ngày 15-12-2001 để chia thừa kế phần di sản của ông Đặng Hồng T4.

[2]. Đình chỉ toàn bộ yêu cầu độc lập của bà Đặng Thị Xuân H1 đối với yêu cầu chia thừa kế 160.000.000 (một trăm sáu mươi triệu) đồng tiền ông Đặng Hồng T4 gửi tại Ngân hàng N2, chi nhánh B1 và yêu cầu chia kỳ phiếu 90.000.000 (chín mươi triệu) đồng theo quy định pháp luật.

[3]. Bác yêu cầu của bà Đặng Thị Thu H đối với yêu cầu chia quyền sử dụng đất tại Xuyên Mộc trong vụ án này cho ông Trần Quốc T2 và ông Trần Quốc T3; bác các yêu cầu hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân huyện X cấp cho hộ gia đình bà Bùi Thị C, cấp cho ông Đặng Hồng P và bác yêu cầu tuyên bố các hợp đồng chuyển nhượng đất giữa bà Bùi Thị C, ông Đặng Hồng P với bà Phan Phạm Phương T là vô hiệu.

[4]. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị Thu H về chia di sản thừa kế.

Bà Đặng Thị Thu H được chia di sản thừa kế của ông Đặng Hồng T4 gồm:

1/ Giá trị nhà đất tại số A T, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh là 2.413.200.000 (hai tỷ bốn trăm mười ba triệu hai trăm ngàn) đồng theo Chứng thư Thẩm định giá số 044.02/2022/CT-BDS ngày 17-02-2022 của Công ty cổ phần T9.

Bà Bùi Thị C có nghĩa vụ thanh toán cho bà Đặng Thị Thu H giá trị nhà đất tại A T này cụ thể là: 2.413.200.000 (hai tỷ bốn trăm mười ba triệu hai trăm ngàn) đồng.

2/ 176,5 (một trăm bảy mươi sáu phẩy năm) Cổ phiếu của Ngân hàng TMCP S1 (S1) của ông Đặng Hồng T4 với mệnh giá cổ phiếu 10.000 đồng/ cổ phiếu và 494.276 (bốn trăm chín mươi tư ngàn hai trăm bảy mươi sáu) đồng tiền cổ tức.

3/ Số tiền 48.022.266,2 (bốn mươi tám triệu không trăm hai mươi hai ngàn hai trăm sáu mươi sáu phẩy hai) đồng tại Sổ tiết kiệm của ông Đặng Hồng T4 tại Ngân hàng TMCP N1- Chi nhánh Thành phố H.

4/ Số tiền tính đến ngày 04-4-2022 là 17.971.680 (mười bảy triệu chín trăm bảy mươi một ngàn sáu trăm tám mươi) đồng tại Sổ tiết kiệm của ông Đặng Hồng T4 tại Ngân hàng N3 – Chi nhánh B1.

5/ Diện tích đất 2.669,2m² đất tại Xuyên Mộc theo sơ đồ vị trí tỷ lệ 1/1000 bản vẽ ngày 23-09-2022 của Trung tâm kỹ thuật và tài nguyên môi trường tỉnh B. Diện tích 2.669,2 m² đất này là phần sơ đồ gồm các điểm theo ranh địa chính: 6a;7;8;9;10;11;12;13;14;15;15a;6a thuộc một phần các thửa số 2, số 256 tờ bản đồ số 29 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 365685 do Ủy ban nhân dân huyện X cấp cho ông Đặng Hồng P ngày 22-8-2019 và thửa

257;154 tờ bản đồ số 29 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 772041 do Ủy ban nhân dân huyện X cấp cho ông Đặng Hồng T4 ngày 25-3-1999.

Bà Bùi Thị C được chia di sản của ông Đặng Hồng T4 và được hưởng phần di sản do bà Đặng Thị Thu H2; ông Đặng Hồng P và bà Đặng Thị Xuân H1 tặng cho gồm:

1/ Quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất đối với nhà đất tại A T, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ 706 cổ phiếu của Ngân hàng TMCP S2 (S1) của ông Đặng Hồng T4 với mệnh giá cổ phiếu 10.000 đồng/cổ phiếu và 1.977.104 (một triệu chín trăm bảy mươi bảy ngàn một trăm lẻ bốn) đồng tiền cổ tức.

3/ Số tiền 192.089.065 (một trăm chín mươi hai triệu không trăm tám mươi chín ngàn không trăm sáu mươi lăm) đồng tại Sổ tiết kiệm của ông Đặng Hồng T4 tại Ngân hàng TMCP N1- Chi nhánh Thành phố H.

4/ Số tiền 71.886.720 (bảy mươi một triệu tám trăm tám mươi sáu ngàn bảy trăm hai mươi) đồng tại Sổ tiết kiệm của ông Đặng Hồng T4 tại Ngân hàng N3 – Chi nhánh B1.

5/ Bà Bùi Thị C bị trừ trong phần diện tích 13.342m² (mười ba ngàn ba trăm bốn mươi hai mét vuông) của mình là 59,2m² (năm mươi chín phẩy hai mét vuông). Diện tích đất còn lại của bà Bùi Thị C là 13.282,8m² (mười ba ngàn hai trăm tám mươi hai phẩy tám mét vuông) thuộc thửa số 1;3;255 và một phần các thửa số 2; 256 tờ bản đồ số 29 theo các Giấy chứng nhận quyền sử dụng số CO 365685, CO 365684 do Ủy ban nhân dân huyện X cấp cho ông Đặng Hồng P ngày 22-8-2019 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 772041 do Ủy ban nhân dân huyện X cấp cho ông Đặng Hồng T4 ngày 25-3-1999.

Tài sản của bà Bùi Thị C và tài sản được chia thừa kế, được nhận của bà Đặng Thị Xuân H1, bà Đặng Thị Thu H2, Đặng Hồng P gồm:

1/ Quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất đối với nhà đất tại A T, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ 1.588,5 (một ngàn năm trăm tám mươi tám phẩy năm) Cổ phiếu của Ngân hàng TMCP S1 (S1) của ông Đặng Hồng T4 với mệnh giá cổ phiếu 10.000 đồng/cổ phiếu và 4.448.484 (bốn triệu bốn trăm bốn mươi tám ngàn bốn trăm tám mươi bốn) đồng tiền cổ tức.

3/ Số tiền 432.200.396 (bốn trăm ba mươi hai triệu hai trăm ngàn ba trăm chín mươi sáu) đồng tại Sổ tiết kiệm của ông Đặng Hồng T4 tại Ngân hàng TMCP N1- Chi nhánh Thành phố H.

4/ Số tiền 161.745.120 (một trăm sáu mươi một triệu bảy trăm bốn mươi lăm ngàn một trăm hai mươi) đồng tại Sổ tiết kiệm của ông Đặng Hồng T4 tại Ngân hàng N2 – Chi nhánh B1 tổng cả gốc + lãi tính đến ngày 04-4-2022.

5/ Bà Bùi Thị C bị trừ trong phần diện tích 13.342m² (mười ba ngàn ba trăm bốn mươi hai mét vuông) của mình là 59,2m² (năm mươi chín phẩy hai mét vuông). Diện tích đất còn lại của bà Bùi Thị C là 13.282,8m² (mười ba ngàn hai

trăm tám mươi hai phẩy tám mét vuông) thuộc thửa số 1;3;255 và một phần các thửa số 2; 256 tờ bản đồ số 29 theo các Giấy chứng nhận quyền sử dụng số CO 365685, CO 365684 do Ủy ban nhân dân huyện X cấp cho ông Đặng Hồng P ngày 22-8-2019 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 772041 do Ủy ban nhân dân huyện X cấp cho ông Đặng Hồng T4 ngày 25-3-1999.

Đối với cổ phiếu bà Đặng Thị Thu H, bà Bùi Thị C được chia, các đương sự có quyền liên hệ với các cơ quan quản lý cổ phiếu để được nhận cổ phiếu theo quy định của pháp luật.

Bà Đặng Thị Thu H và bà Bùi Thị C được quyền liên hệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới theo các phần diện tích đất được chia ở trên.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Vào ngày 31/10/2022, nguyên đơn bà Đặng Thị Thu H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Quốc T3 và ông Trần Quốc T2 kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Đặng Thị Thu H, ông Trần Quốc T2, ông Trần Quốc T3 (có bà Đặng Thị Thu H đại diện theo ủy quyền) yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm tạm đình chỉ xét xử phúc thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho B chỉ đạo trung ương về phòng chống tham nhũng, tiêu cực và Bộ C2 để thanh tra toàn bộ tài sản của cha bà là ông Đặng Hồng T4 chết để lại. Trường hợp không chấp nhận yêu cầu tạm đình chỉ, bà H, ông T2 và ông T3 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng thời yêu cầu cấp phúc thẩm tiến hành định giá lại đối với nhà và đất tại số A T, phường A, quận E, thành phố Hồ Chí Minh để làm căn cứ giải quyết vụ án.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm:

Về chấp hành pháp luật: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu Tạm đình chỉ xét xử phúc thẩm của bà H, ông T2 và ông T3; không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Đặng Thị Thu H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trần Quốc T2, Trần Quốc T3, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được làm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Xét yêu cầu Tạm đình chỉ xét xử phúc thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho B chỉ đạo trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và Bộ C2 để thanh tra toàn bộ tài sản của cha bà là ông Đặng Hồng T4 chết để lại: Hội đồng xét xử xét thấy, đây là vụ án dân sự, tranh chấp thừa kế tài sản. Yêu cầu tạm đình chỉ của bà H không thuộc các trường hợp Tạm đình chỉ vụ án theo quy định tại Điều 214 và Điều 288 Bộ Luật Tố tụng dân sự nên không có căn cứ chấp nhận.

[2] Về nội dung:

[2.1] Các đương sự đều khai thống nhất ông Đặng Hồng T4 và bà Bùi Thị C có 4 người con chung gồm: Đặng Thị Thu H; Đặng Thị Thu H2; Đặng Hồng P và Đặng Thị Xuân H1. Ông T4 và bà C không có người vợ hoặc người con nào khác. Bố Mẹ ông T4 chết trước khi ông T4 chết. Do vậy, hàng thừa kế thứ nhất của ông Đặng Hồng T4 gồm: bà Bùi Thị C; bà Đặng Thị Thu H; bà Đặng Thị Thu H2; ông Đặng Hồng P và bà Đặng Thị Xuân H1.

[2.2] Các đương sự đều khai thống nhất tài sản chung của ông Đặng Hồng T4 và bà Bùi Thị C gồm:

Giá trị nhà và đất tại A T, phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số 1293/HGN do Sở nhà đất Thành phố H cấp ngày 15-10-1991. ($\frac{1}{2}$ Giá trị nhà đất 24.132.000.000 đồng = 12.066.000.000 đồng theo Chứng thư Thẩm định giá số 044.02/2022/CT-BDS ngày 17-02-2022 của Công ty cổ phần T9).

1.765 Cổ phiếu của Ngân hàng TMCP S1 (S1) của ông Đặng Hồng T4 với mệnh giá cổ phiếu 10.000 đồng/cổ phiếu và 4.942.760 đồng tiền cổ tức.

Sổ tiết kiệm của ông Đặng Hồng T4 tại Ngân hàng TMCP N1- Chi nhánh Thành phố H có giá trị 480.222.662 đồng.

Sổ tiết kiệm của ông Đặng Hồng T4 tại Ngân hàng N2 – Chi nhánh B1 tổng cả gốc + lãi tính đến ngày 04-4-2022 là 179.716.800 đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà H nhận được 1/10 giá trị các di sản trên và chia cho bà H được nhận di sản thừa kế của ông T4 bằng giá trị. Bà H đồng ý nhận giá trị di sản thừa kế trên nhưng kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm tiến hành định giá lại đối với nhà và đất tại số A T, phường A, quận E, thành phố Hồ Chí Minh.

Xét kháng cáo yêu cầu định giá lại tài sản trên của bà H: Hội đồng xét xử xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà H nhận được 1/10 giá trị các di sản thừa kế của ông Đặng Hồng T4 và chia cho bà H được nhận di sản thừa kế của ông T4 bằng giá trị là đúng theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, tại phần quyết định cấp sơ thẩm không xác định bà H nhận được 1/10 giá trị các di sản trên là không chính xác, vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ điều chỉnh lại phần này. Đối với yêu cầu định giá lại tài sản của bà H, tại phiên tòa bà H không cung cấp được chứng cứ thể hiện giá tài sản tăng, giảm so với tại thời điểm thẩm định giá theo Chứng thư Thẩm định giá số 044.02/2022/CT-BDS ngày 17-02-2022 của Công ty cổ phần T9. Bên cạnh đó, căn cứ theo quy định tại khoản 10 Điều 1 Nghị định số 33/2020/NĐ-CP quy định về điều kiện tổ chức định giá tài sản tại thời điểm

thi hành án thì tại thời điểm thi hành án, giá tài sản thay đổi tăng hoặc giảm từ 20% trở lên so với giá trị tài sản khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật thì các đương sự có quyền yêu cầu định giá lại tài sản. Như vậy, tại giai đoạn Thi hành án, nếu chứng minh được giá trị tài sản thi hành án thay đổi tăng hoặc giảm 20% trở lên bà H có quyền yêu cầu định giá lại tài sản để thi hành án. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu này của bà H.

[2.3] Đối với phần đất có tổng diện tích 26.684m² tại huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu bao gồm:

Quyền sử dụng đất diện tích 3.141m² thuộc thửa 01, diện tích 372m² thuộc thửa 255, diện tích 208m² thuộc thửa 257, diện tích 1700m² thuộc thửa 154 tờ bản đồ số 29 xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M772041 UBND huyện X cấp cho ông Đặng Hồng T4 ngày 25-3-1999. Năm 2019 được điều chỉnh trang 4.

Quyền sử dụng đất diện tích 8616m² thuộc thửa 02, diện tích 768m² thuộc thửa 256 cùng thuộc tờ bản đồ số 29 xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO365685 UBND huyện X cấp cho hộ ông Đặng Hồng P ngày 22-8-2019.

Quyền sử dụng đất diện tích 1149m² thuộc thửa 03 tờ bản đồ số 29 xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo giấy chứng nhận QSD đất số CO365684 UBND huyện X cấp cho ông Đặng Hồng P ngày 22-8-2019.

Quyền sử dụng đất diện tích 9050m² thuộc thửa 155 (155;261) tờ bản đồ số 29 xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo giấy chứng nhận QSD đất số AG 835534 UBND huyện Xuyên Mộc cấp cho bà Bùi Thị C ngày 12-2-2007.

Quyền sử dụng đất diện tích 1680m² thuộc thửa 65 tờ bản đồ số 29 xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 736198 UBND huyện Xuyên Mộc cấp cho hộ bà Bùi Thị C ngày 29-9-2004.

Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Đặng Thị Thu H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trần Quốc T2, Trần Quốc T3 cho rằng: Đối với đất tại huyện X mà UBND huyện X cấp cho hộ gia đình bà C, ông T4 thì đề nghị chia cho các thành viên trong hộ gia đình. Cụ thể là chia cho bà H và các con bà là ông Trần Quốc T2 và ông Trần Quốc T3 mỗi người được 1 phần. Bà H cũng yêu cầu Tòa án hủy tất cả các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất bà C và ông P đã sang nhượng cho bà Phan Phạm Phương T và các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được chỉnh lý sang tên tại trang 4 sau này.

Xét nguồn gốc đất tại huyện X: năm 1993, ông Đặng Hồng T4 đến xã P để mua một số thửa đất. Đến năm 1999 thì được UBND huyện X cấp GCNQSD đất cho hộ gia đình bà Bùi Thị C.

Tại đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, QSH nhà ở và tài sản gắn liền với đất của ông Đặng Hồng P ngày 05-5-2019 được xác nhận của các cơ quan quản lý đất đai của địa phương thì nguồn gốc đất thửa 02, 03, 256 tờ bản đồ số 29 là do ông Nguyễn Văn L khai phá năm 1987 sử dụng đến năm 1990 chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị C1. Đến năm 1993, bà C1 sang

nhượng lại cho ông Đặng Hồng T4. Một phần đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích là 4.630m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 772041 do Ủy ban nhân dân huyện X cấp ngày 25-3-1999; chỉnh lý diện tích ngày 17-6-2019 diện tích đất sau khi chỉnh lý là 5.421m² cấp cho ông Đặng Hồng T4; diện tích 1.680m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 736198 do Ủy ban nhân dân huyện X cấp ngày 29-9-2004 cho bà Bùi Thị C; diện tích 9.050m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 835534 do Ủy ban nhân dân huyện X cấp ngày 12-2-2007 cho bà Bùi Thị C (BL1078).

Đối với phần đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì gia đình hợp thống nhất giao ông P xin và đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cụ thể: diện tích 9.384m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 365685 do Ủy ban nhân dân huyện X cấp ngày 22-8-2019 cho ông Đặng Hồng P; diện tích 1.149m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 365684 do Ủy ban nhân dân huyện X cấp ngày 22-8-2019 cho ông Đặng Hồng P.

Như vậy, nguồn gốc đất tại huyện X là tài sản tạo dựng trong thời kỳ hôn nhân của ông T4 và bà C và là tài sản chung của ông T4, bà C. Việc bà H cùng hai con bà là Trần Quốc T2, Trần Quốc T3 căn cứ vào sổ hộ khẩu để yêu cầu Tòa án xác định phần đất trên là tài sản chung của hộ gia đình và yêu cầu chia tài sản chung theo hộ khẩu cho bà H cùng 2 con trai của bà H là không có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này là có cơ sở.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đặng Thị Thu H, ông Trần Quốc T2 và ông Trần Quốc T3, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị. Có điều chỉnh về cách tuyên cho phù hợp.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên các đương sự có kháng cáo phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đặng Thị Thu H, ông Trần Quốc T2 và ông Trần Quốc T3. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 15/2022/DS-ST ngày 21/10/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Căn cứ vào Điều 26; Điều 37; điểm c Khoản 1 Điều 39; Điều 227, 228, 244; Điều 157, 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 612; 613; 623; 649; 650; 651 và 660 Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 95, 99 Luật đất đai; 2013.

Căn cứ Pháp lệnh về án phí, lệ phí năm 2009 ngày 27-2-2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Đình chỉ toàn bộ yêu cầu phản tố của bà Bùi Thị C đối với các yêu cầu bà Đặng Thị Thu H trả lại 46,5 (bốn mươi sáu phẩy năm) lượng vàng SJC và 12.900 (mười hai ngàn chín trăm) USD theo biên nhận mượn tiền ngày 15-12-2001 để chia thừa kế phần di sản của ông Đặng Hồng T4.

[2]. Đình chỉ toàn bộ yêu cầu độc lập của bà Đặng Thị Xuân H1 đối với yêu cầu chia thừa kế 160.000.000 (một trăm sáu mươi triệu) đồng tiền ông Đặng Hồng T4 gửi tại Ngân hàng N2, chi nhánh B1 và yêu cầu chia kỳ phiếu 90.000.000 (chín mươi triệu) đồng theo quy định pháp luật.

[3]. Bác yêu cầu của bà Đặng Thị Thu H, ông Trần Quốc T2, ông Trần Quốc T3 đối với yêu cầu chia quyền sử dụng đất tại huyện X trong vụ án này cho ông Trần Quốc T2 và ông Trần Quốc T3; bác các yêu cầu hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân huyện X cấp cho hộ gia đình bà Bùi Thị C, cấp cho ông Đặng Hồng P và bác yêu cầu tuyên bố các hợp đồng chuyển nhượng đất giữa bà Bùi Thị C, ông Đặng Hồng P với bà Phan Phạm Phương T là vô hiệu.

[4]. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị Thu H về chia di sản thừa kế.

Bà Đặng Thị Thu H được chia di sản thừa kế của ông Đặng Hồng T4 gồm:

1/ Giá trị 1/10 nhà đất tại số A T, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh tương đương là 2.413.200.000 (hai tỷ bốn trăm mười ba triệu hai trăm ngàn) đồng theo Chứng thư Thẩm định giá số 044.02/2022/CT-BDS ngày 17-02-2022 của Công ty cổ phần T9.

Bà Bùi Thị C có nghĩa vụ thanh toán cho bà Đặng Thị Thu H giá trị nhà đất tại A T này cụ thể là: 2.413.200.000 (hai tỷ bốn trăm mười ba triệu hai trăm ngàn) đồng.

2/ 176,5 (một trăm bảy mươi sáu phẩy năm) Cổ phiếu của Ngân hàng TMCP S1 (S1) của ông Đặng Hồng T4 với mệnh giá cổ phiếu 10.000 đồng/ cổ phiếu và 494.276 (bốn trăm chín mươi tư ngàn hai trăm bảy mươi sáu) đồng tiền cổ tức.

3/ Số tiền 48.022.266,2 (bốn mươi tám triệu không trăm hai mươi hai ngàn hai trăm sáu mươi sáu phẩy hai) đồng tại Sổ tiết kiệm của ông Đặng Hồng T4 tại Ngân hàng TMCP N1- Chi nhánh Thành phố H.

4/ Số tiền tính đến ngày 04-4-2022 là 17.971.680 (mười bảy triệu chín trăm bảy mươi một ngàn sáu trăm tám mươi) đồng tại Sổ tiết kiệm của ông Đặng Hồng T4 tại Ngân hàng N3 – Chi nhánh B1.

5/ Diện tích đất 2.669,2m² đất tại Xuyên Mộc theo sơ đồ vị trí tỷ lệ 1/1000 bản vẽ ngày 23-09-2022 của Trung tâm kỹ thuật và tài nguyên môi trường tỉnh B. Diện tích 2.669,2 m² đất này là phần sơ đồ gồm các điểm theo

ranh địa chính: 6a;7;8;9;10;11;12;13;14;15;15a;6a thuộc một phần các thửa số 2, số 256 tờ bản đồ số 29 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 365685 do Ủy ban nhân dân huyện X cấp cho ông Đặng Hồng P ngày 22-8-2019 và thửa 257;154 tờ bản đồ số 29 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 772041 do Ủy ban nhân dân huyện X cấp cho ông Đặng Hồng T4 ngày 25-3-1999.

Bà Bùi Thị C được chia di sản của ông Đặng Hồng T4 và được hưởng phần di sản do bà Đặng Thị Thu H2; ông Đặng Hồng P và bà Đặng Thị Xuân H1 tặng cho gồm:

1/ Quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất đối với nhà đất tại A T, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ 706 cổ phiếu của Ngân hàng TMCP S2 (S1) của ông Đặng Hồng T4 với mệnh giá cổ phiếu 10.000 đồng/cổ phiếu và 1.977.104 (một triệu chín trăm bảy mươi bảy ngàn một trăm lẻ bốn) đồng tiền cổ tức.

3/ Số tiền 192.089.065 (một trăm chín mươi hai triệu không trăm tám mươi chín ngàn không trăm sáu mươi lăm) đồng tại Sổ tiết kiệm của ông Đặng Hồng T4 tại Ngân hàng TMCP N1- Chi nhánh Thành phố H.

4/ Số tiền 71.886.720 (bảy mươi một triệu tám trăm tám mươi sáu ngàn bảy trăm hai mươi) đồng tại Sổ tiết kiệm của ông Đặng Hồng T4 tại Ngân hàng N3 – Chi nhánh B1.

5/ Bà Bùi Thị C bị trừ trong phần diện tích 13.342m² (mười ba ngàn ba trăm bốn mươi hai mét vuông) của mình là 59,2m² (năm mươi chín phẩy hai mét vuông). Diện tích đất còn lại của bà Bùi Thị C là 13.282,8m² (mười ba ngàn hai trăm tám mươi hai phẩy tám mét vuông) thuộc thửa số 1; 3; 255 và một phần các thửa số 2; 256, tờ bản đồ số 29 theo các Giấy chứng nhận quyền sử dụng số CO 365685, CO 365684 do Ủy ban nhân dân huyện X cấp cho ông Đặng Hồng P ngày 22-8-2019 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 772041 do Ủy ban nhân dân huyện X cấp cho ông Đặng Hồng T4 ngày 25-3-1999.

Tài sản của bà Bùi Thị C và tài sản được chia thừa kế, được nhận của bà Đặng Thị Xuân H1, bà Đặng Thị Thu H2, Đặng Hồng P gồm:

1/ Quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất đối với nhà đất tại A T, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ 1.588,5 (một ngàn năm trăm tám mươi tám phẩy năm) Cổ phiếu của Ngân hàng TMCP S1 (S1) của ông Đặng Hồng T4 với mệnh giá cổ phiếu 10.000 đồng/cổ phiếu và 4.448.484 (bốn triệu bốn trăm bốn mươi tám ngàn bốn trăm tám mươi bốn) đồng tiền cổ tức.

3/ Số tiền 432.200.396 (bốn trăm ba mươi hai triệu hai trăm ngàn ba trăm chín mươi sáu) đồng tại Sổ tiết kiệm của ông Đặng Hồng T4 tại Ngân hàng TMCP N1- Chi nhánh Thành phố H.

4/ Số tiền 161.745.120 (một trăm sáu mươi một triệu bảy trăm bốn mươi lăm ngàn một trăm hai mươi) đồng tại Sổ tiết kiệm của ông Đặng Hồng T4 tại Ngân hàng N2 – Chi nhánh B1 tổng cả gốc + lãi tính đến ngày 04-4-2022.

5/ Bà Bùi Thị C bị trừ trong phần diện tích 13.342m² (mười ba ngàn ba trăm bốn mươi hai mét vuông) của mình là 59,2m² (năm mươi chín phẩy hai mét vuông). Diện tích đất còn lại của bà Bùi Thị C là 13.282,8m² (mười ba ngàn hai trăm tám mươi hai phẩy tám mét vuông) thuộc thửa số 1;3;255 và một phần các thửa số 2; 256 tờ bản đồ số 29 theo các Giấy chứng nhận quyền sử dụng số CO 365685, CO 365684 do Ủy ban nhân dân huyện X cấp cho ông Đặng Hồng P ngày 22-8-2019 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 772041 do Ủy ban nhân dân huyện X cấp cho ông Đặng Hồng T4 ngày 25-3-1999.

Đối với cổ phiếu bà Đặng Thị Thu H, bà Bùi Thị C được chia, các đương sự có quyền liên hệ với các cơ quan quản lý cổ phiếu để được nhận cổ phiếu theo quy định của pháp luật.

Bà Đặng Thị Thu H và bà Bùi Thị C được quyền liên hệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới theo các phần diện tích đất được chia ở trên.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

[5]. Về chi phí tố tụng:

Bà Đặng Thị Thu H tự nguyện chịu toàn bộ số tiền 39.600.000 (ba mươi chín triệu sáu trăm ngàn) đồng gồm chi phí đo vẽ; thẩm định giá; chi phí thẩm định tại chỗ; chi phí xác minh. Bà H đã nộp xong.

Bà Đặng Thị Xuân H1 và bà Bùi Thị C tự nguyện chịu toàn bộ chi phí đã nộp để thẩm định giá tại Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh; chi phí định giá đất tại huyện X và các chi phí xác minh đã nộp tại Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H1 và bà C đã nộp xong.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Đặng Thị Thu H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 129.731.593 (một trăm hai mươi chín triệu bảy trăm ba mươi một ngàn năm trăm chín mươi ba) đồng nhưng được trừ vào số tiền bà H đã nộp tiền tạm ứng án phí tổng cộng là 81.702.547 (tám mươi một triệu bảy trăm lẻ hai ngàn năm trăm bốn mươi bảy) đồng theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí số 001601 ngày 27-6-2003 của Đội thi hành án Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh và biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007019 ngày 24-9-2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Như vậy, bà H còn phải nộp tiền án phí là: 48.029.046 (bốn mươi tám triệu không trăm hai mươi chín ngàn không trăm bốn mươi sáu) đồng.

Bà Bùi Thị C được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà Bùi Thị C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.825.717 (bảy triệu tám trăm hai mươi lăm ngàn bảy trăm mười bảy) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 001823 ngày 10-4-2008 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh (BL 123A).

Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà Đặng Thị Xuân H1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.250.000 (sáu triệu hai trăm năm mươi ngàn) đồng theo Biên lai số 0035972 ngày 19-02-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh (BL 519).

[7]. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Đặng Thị Thu H, ông Trần Quốc T2 và ông Trần Quốc T3 phải chịu mỗi người 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ mỗi người 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo các biên lai thu số 0000530, 0000532, 0000531 cùng ngày 09/11/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

[8]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP . HCM;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- Cục THADS tỉnh BR-VT;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hồ Thị Thanh Thúy